

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154,262,004,875	132,342,549,242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	541,661,144	1,460,160,314
1. Tiền	111		541,661,144	1,460,160,314
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114,036,225,146	89,515,790,743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	62,650,882,837	45,090,025,258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12,255,797,335	12,685,137,093
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	39,129,544,974	31,740,628,392
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		38,884,876,160	39,973,737,960
1. Hàng tồn kho	141	V.5	38,884,876,160	39,973,737,960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		799,242,425	1,392,860,225
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	799,242,425	1,174,242,425
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	218,617,800
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		856,335,966,663	871,419,281,777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		766,968,144,335	781,924,573,305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	758,626,991,824	773,501,880,941
<i>Nguyên giá</i>	222		1,051,718,465,988	1,051,626,545,988
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(293,091,474,164)	(278,124,665,047)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8,341,152,511	8,422,692,364
<i>Nguyên giá</i>	228		9,626,146,689	9,626,146,689
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,284,994,178)	(1,203,454,325)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn			634,583,545	505,730,090
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		V.9	634,583,545	505,730,090
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		81,828,367,547	81,828,367,547
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	90,000,000,000	90,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(8,171,632,453)	(8,171,632,453)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,904,871,236	7,160,610,835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6,904,871,236	7,160,610,835
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,010,597,971,538	1,003,761,831,019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		933,937,876,408	905,427,058,943
I. Nợ ngắn hạn	310		268,343,186,529	255,750,754,387
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	29,192,991,722	17,687,272,019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7,533,289,064	4,439,153,598
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5,598,750,653	4,467,400,907
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1,645,837,699	3,318,399,821
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	140,114,551,356	141,206,621,563
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	83,088,041,574	83,288,982,018
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1,169,724,461	1,342,924,461
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		665,594,689,879	649,676,304,556
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	76,024,863,072	60,106,477,749
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	589,569,826,807	589,569,826,807
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76,660,095,130	98,334,772,076
I. Vốn chủ sở hữu	410		76,660,095,130	98,334,772,076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	272,236,470,000	272,236,470,000
-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		272,236,470,000	
-Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	76,737,250,400	76,737,250,400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	22,694,204,001	22,694,204,001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.22	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	(295,007,829,271)	(273,333,152,325)
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		(273,333,152,325)	(161,305,433,346)
-LNST chưa phân phối kỳ này	421B		(21,674,676,946)	(112,027,718,979)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,010,597,971,538	1,003,761,831,019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		_____	_____
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.23	59,155,446,259	22,609,789,750
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39,460,608	39,460,608
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		44.02	44.02
Euro (EUR)		373.59	373.50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015

Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khánh
P. Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ I NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I		LK TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	72.297.329.051	76.045.352.945	72.297.329.051	76.045.352.945
2. Các khoản giảm trừ	02					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10		72.297.329.051	76.045.352.945	72.297.329.051	76.045.352.945
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	70.161.627.726	77.406.708.948	70.161.627.726	77.406.708.948
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		2.135.701.325	(1.316.356.003)	2.135.701.325	(1.316.356.003)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4.753.873	3.434.910	4.753.873	3.434.910
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	17.639.612.570	20.159.954.374	17.639.612.570	20.159.954.374
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.625.612.570	20.148.668.092	17.625.612.570	20.148.668.092
8. Chi phí bán hàng	24		1.774.450.039	2.025.543.371	1.774.450.039	2.025.543.371
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.371.784.776	3.122.841.202	4.371.784.776	3.122.841.202
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(21.645.392.187)	(26.666.260.040)	(21.645.392.187)	(26.666.260.040)
11. Thu nhập khác	31		3.687.441	78.967.884	3.687.441	78.967.884
12. Chi phí khác	32		32.972.200	43.880.336	32.972.200	43.880.336
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(29.284.759)	35.087.548	(29.284.759)	35.087.548
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(21.674.676.946)	(26.631.172.492)	(21.674.676.946)	(26.631.172.492)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(21.674.676.946)	(26.631.172.492)	(21.674.676.946)	(26.631.172.492)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(796)	(978)	(796)	(978)

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đỗ Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh

Lập, ngày tháng năm
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(21,674,676,946)	(26,631,172,493)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15,048,348,970	14,878,440,032
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		17,625,612,570	20,148,668,092
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,999,284,594	8,395,935,631
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24,313,337,728)	(17,638,309,237)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,088,861,800	23,917,681,125
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13,314,971,344	(8,056,484,486)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		630,739,599	255,739,599
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,707,227,247)	(5,826,433,634)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(173,200,000)	(295,950,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(159,907,638)	752,178,998
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(557,651,088)	(192,145,455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(557,651,088)	(192,145,455)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34,918,862,009	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35,119,802,453)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(200,940,444)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(918,499,170)	560,033,543
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,460,160,314	918,704,302
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	541,661,144	1,478,737,845

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015



Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khánh
P.Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tẩm lọc và xây lắp; Dịch vụ thương mại; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Công ty có 411 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 414 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh đã có Bản án số 117/2014/DSPT từ ngày 19 đến 20 tháng 5 năm 2014 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại về cầu cảng cho Công ty cổ phần tẩm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền USD 1,837,843.00 tương đương 39.146.055.900 VND và chuyển hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vấn đề về thiệt hại sản xuất kinh doanh và cầu cảng. Hiện tại, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thực hiện giám định thiệt hại về cầu cảng và thiệt hại về kinh doanh. Công ty đang tiếp tục làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết vấn đề này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02% - 20%
Máy móc và thiết bị	6,6% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05% - 16,6%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 02%/năm đến 2,5%/năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí xây dựng tuyến đường đê Khu công nghiệp Ông Kèo được phân bổ với thời gian 10 năm.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	(*)	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh.	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	(*)	
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(*)	

(*) Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	232.657.033	108.681.574
Tiền gửi ngân hàng	309.004.111	1.351.478.740
Cộng	541.661.144	1.460.160.314

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	62.108.228.238	44.539.297.910
Các khách hàng khác	542.654.599	550.727.348
Cộng	62.650.882.837	45.090.025.258

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH cơ khí Kinh Bắc	9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty CP SX TM Đào Gia	1.150.780.008	1.999.999.998
Các nhà cung cấp khác	1.505.017.327	1.085.137.095
Cộng	12.255.797.335	12.685.137.093

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản thu khác có liên quan đến sự cố hư cần cầu của cảng nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bồi thường (xem thuyết minh VII.1)	31.903.883.699	26.567.946.689
Phải thu tạm ứng án phí liên quan đến sự cố cần cầu	1.713.435.422	1.713.435.422
Tạm ứng	2.962.882.688	2.943.646.681
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.300.000	31.300.000
Phải thu khác	2.518.043.165	3.427.946.281
Cộng	<u>39.129.544.974</u>	<u>31.740.628.392</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đi đường	-	5.940.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	37.098.998.944	28.631.763.368
Công cụ, dụng cụ	426.983.492	446.929.493
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.593.715	25.593.715
Thành phẩm	1.333.300.009	4.929.451.384
Cộng	<u>38.884.876.160</u>	<u>39.973.737.960</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa nhà máy xi măng Công Thanh Nhơn Trạch	454.545.454	681.818.182
Chi phí cải tạo nâng cấp hệ thống nước	344.696.971	492.424.243
Cộng	<u>799.242.425</u>	<u>1.174.242.425</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	483.121.696.212	517.484.108.850	46.990.487.012	4.030.253.914	1.051.626.545.988
Mua sắm trong năm	-	91.920.000	-	-	91.920.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>483.121.696.212</u>	<u>517.576.028.850</u>	<u>46.990.487.012</u>	<u>4.030.253.914</u>	<u>1.051.718.465.988</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.097.455.871	61.607.236.829	9.232.221.181	350.750.875	88.287.664.756
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	90.984.858.971	157.538.948.902	27.500.330.250	2.100.526.924	278.124.665.047
Khấu hao trong năm (*)	5.783.515.236	7.865.605.874	1.146.049.013	171.638.994	14.966.809.117

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	96.768.374.207	165.404.554.776	28.646.379.263	2.272.165.918	293.091.474.164
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	392.136.837.241	359.945.159.948	19.490.156.762	1.929.726.990	773.501.880.941
Số cuối năm	386.353.322.005	352.171.474.074	18.344.107.749	1.758.087.996	758.626.991.824
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 873.903.375.920 VND và 675.511.706.305 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
Số cuối năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	43.997.560	43.997.560
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	907.707.402	295.746.923	1.203.454.325
Khấu hao trong năm	58.366.527	23.173.326	81.539.853
Số cuối năm	966.073.929	318.920.249	1.284.994.178
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.210.936.627	211.755.737	8.422.692.364
Số cuối năm	8.152.570.100	188.582.411	8.341.152.511
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	505.730.090	128.853.455	-	-	634.583.545
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
Cộng	505.730.090	128.853.455	-	-	634.583.545

10. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với số lượng cổ phiếu sở hữu là 9.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Dự phòng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.171.632.453	11.734.710.842
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(3.563.078.389)
Số cuối năm	<u>8.171.632.453</u>	<u>8.171.632.453</u>

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.160.610.835	8.183.669.231
Phát sinh tăng	-	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(255.739.599)	(1.023.058.396)
Số cuối năm	<u>6.904.871.236</u>	<u>7.160.610.835</u>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty có các khoản lỗ tính thuế qua các năm chưa sử dụng với số tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lỗ năm 2012	44.484.684.257	44.484.684.257
Lỗ năm 2013	124.072.947.915	124.072.947.915
Lỗ năm 2014	110.158.785.211	110.158.785.211
Lỗ năm 2015	21.663.155.821	-
Cộng	<u>300.379.573.204</u>	<u>278.716.417.383</u>

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)	83.088.041.574	83.288.982.018
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>83.088.041.574</u>	<u>83.288.982.018</u>

^(*) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 01 tháng một lần (lãi suất trong năm khoảng 9% - 9,5%), thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8). Trong năm, Ngân hàng đã có văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ vay cho Công ty cụ thể chuyển dư nợ vay 142.000.000.000 VND từ vay ngắn hạn sang dài hạn (xem thuyết minh số V.21) và gia hạn thời gian thu nợ đầu tiên vào quý I năm 2016, khoản lãi vay phát sinh trong năm 2014-2015 cũng sẽ được phân bổ trả trong các năm từ năm 2016-2022.

Chi tiết số phát sinh trong năm của các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	83.288.982.018	35.119.802.453	-	(34.918.862.009)	83.088.041.574
Cộng	83.288.982.018	35.119.802.453	-	(34.918.862.009)	83.088.041.574

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp ngoài nước	8.955.780.565	5.509.719.394
Các nhà cung cấp trong nước	20.237.211.157	12.177.552.625
Cộng	29.192.991.722	17.687.272.019

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.277.530.875	(185.814.854)	1.091.716.021
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.488.942.134	(1.488.942.134)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	709.020.064	(709.020.064)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.170.499	71.261.979	(33.098.408)	64.334.070
Thuế tài nguyên	4.211.518	14.842.214	(13.372.060)	5.681.672
Thuế nhà thầu	4.437.018.890	-	-	4.437.018.890
Thuế khác	-	12.544.000	(12.544.000)	-
Cộng	4.467.400.907	3.574.141.266	(2.442.791.520)	5.598.750.653

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tầm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu	10%
- Nước	05%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.674.676.946)	(26.631.172.492)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(21.674.676.946)	(26.631.172.492)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất	01%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	03%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng	06%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương tại nhà máy Biên Hòa I được trích dựa vào số lượng thành phẩm sản xuất (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:
 - Xi măng : 24.000 VND/tấn
 - Tầm lợp: 2.800 VND/m²
 - Gạch : 350 VND/viên
- Lương của nhân viên tại Nhà máy Nhơn Trạch được tính theo lương khoán.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	745.081.833	360.462.037
Kinh phí công đoàn	178.093.597	150.243.322
Bảo hiểm thất nghiệp	92.723.192	68.346.526
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Lãi vay phải trả	71.778.741.468	71.778.741.468
Tiền bồi thường cần cầu (*)	36.348.855.900	37.547.655.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.707.769.691	4.037.886.635
Cộng	<u>140.114.551.356</u>	<u>141.206.621.563</u>

- (*) Tiền nhận bồi thường thiệt hại hư cần cầu từ Công ty All Ocean Transportation Inc theo kết quả của Tòa phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 39.146.055.960 VND. Khoản tiền này được dùng để thanh toán các chi phí sửa chữa phục hồi lại cần cầu. Phần chênh lệch còn lại sẽ ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công tác sửa chữa hoàn tất. Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển trả chi phí lần 01 về sửa chữa cần cầu với số tiền là 1.198.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	-	-
Quỹ phúc lợi	1.342.924.461	(173.200.000)	1.169.724.461
Cộng	1.342.924.461	(173.200.000)	1.169.724.461

20. Phải trả dài hạn khác

Khoản lãi vay dài hạn phát sinh trong năm 2014, 2015 được phân bổ trả trong các năm từ năm 2016 đến năm 2022 (xem thuyết minh V.20).

21. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay theo phương pháp thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong năm khoảng 11,8% - 10,8%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8). Trong năm 2014, Ngân hàng đã có văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ vay cho Công ty cụ thể chuyển dư nợ vay 142.000.000.000 VND từ vay ngắn hạn sang dài hạn (xem thuyết minh số V.14), và gia hạn thời gian thu nợ đầu tiên vào quý I năm 2016, khoản lãi vay phát sinh trong các năm 2014 và 2015 cũng sẽ được phân bổ trả trong các năm từ năm 2016 đến năm 2022.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	-	-
Trên 01 năm đến 05 năm	589.569.826.807	589.569.826.807
Tổng nợ	589.569.826.807	589.569.826.807

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	589.569.826.807	404.569.826.807
Kết chuyển từ nợ vay ngắn hạn sang dài hạn	-	142.000.000.000
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả sang dài hạn	-	43.000.000.000
Số cuối năm	589.569.826.807	589.569.826.807

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 40.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	52.006.393.759	15.452.607.250
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	7.149.052.500	7.157.182.500
Cộng	<u>59.155.446.259</u>	<u>22.609.789.750</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	72.297.329.051	76.045.352.945
<i>Doanh thu bán tấm lợp</i>	40.359.560.460	49.623.024.780
<i>Doanh thu gia công xi măng</i>	27.638.072.076	22.660.677.904
<i>Doanh thu bán thành phẩm khác</i>	4.006.532.445	1.223.781.341
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	293.164.070	2.537.868.920
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>72.297.329.051</u>	<u>76.045.352.945</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của tấm lợp đã tiêu thụ	32.533.411.810	40.080.821.166
Giá vốn gia công xi măng	34.184.840.643	34.259.004.658
Giá vốn bán thành phẩm khác	3.373.727.273	729.233.104
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	69.647.910	2.337.650.020
Cộng	<u>70.161.627.726</u>	<u>77.406.708.948</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.451.159	3.434.910
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.302.714	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	<u>4.753.873</u>	<u>3.434.910</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.625.612.570	20.148.668.092
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.000.000	11.286.282
Cộng	<u>17.639.612.570</u>	<u>20.159.954.374</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	503.176.501	560.130.907
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	55.511.718	137.172.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.357.001	464.882.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.954.096	200.191.075
Chi phí khác	665.450.723	663.165.828
Cộng	<u>1.774.450.039</u>	<u>2.025.543.371</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.106.778.461	1.232.991.772
Chi phí vật liệu quản lý	826.978.880	258.531.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	438.731.793	432.409.499
Thuế, phí và lệ phí	29.642.741	18.422.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.932.140	398.349.571
Chi phí khác	1.492.720.761	782.136.448
Cộng	<u>4.371.784.776</u>	<u>3.122.841.202</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Các khoản nợ xác định không phải trả	22.801	-
Thu nhập khác	3.664.640	78.967.884
Cộng	<u>3.687.441</u>	<u>78.967.884</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	-
Phạt vi phạm hành chính	-	1.550.000
Lãi phạt chậm nộp	-	-
Chi phí khác	32.972.200	42.330.336
Cộng	<u>32.972.200</u>	<u>43.880.336</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.674.676.946)	(26.631.172.492)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(21.674.676.946)	(26.631.172.492)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(796)	(978)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Ngày 22 tháng 5 năm 2012, Công ty đã kiện All Ocean Transportation Inc vì đã đâm vào cần cầu của Cảng Nhà máy xi măng Công Thanh và hy vọng sẽ được thanh toán một khoản tiền thiệt hại 181.284.000.000 VND. Ngày 07 tháng 6 năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 41/2012/QĐ.BTHBPBĐ buộc All Ocean Transportation Inc thực hiện bảo lãnh ngân hàng với số tiền là 7.500.000,00 USD để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tàu YM Intelligent. Ngày 26 tháng 10 năm 2012, Công ty tiếp tục có đơn kiện bổ sung yêu cầu All Ocean Transportation Inc phải bồi thường 518.870.844.10 VND thay vì 181.284.000.000 VND như yêu cầu ban đầu. Mặc dù Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Bản án số 09/2013/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2013 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền là 130.584.800.632 VND, tuy nhiên cả hai Công ty vẫn chưa đồng ý mà tiếp tục gửi đơn xin phúc thẩm. Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh đã có Bản án số 117/2014/DSPT từ ngày 19 đến 20 tháng 5 năm 2014 buộc All Ocean Transportation Inc phải bồi thường thiệt hại về cần cầu cho Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai với số tiền USD 1,837,843.00 tương đương 39.146.055.900 VND và chuyển hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vấn đề về thiệt hại sản xuất kinh doanh và cầu cảng. Hiện tại, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thực hiện giám định thiệt hại về cầu cảng và thiệt hại về kinh doanh. Công ty đang tiếp tục làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết vấn đề này.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	648.000.000	471.384.000
Thù lao và các khoản khác	1.200.000	82.000.000
Cộng	649.200.000	553.384.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Bê tông Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	12.175.521.963	8.170.291.616
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.147.176.806	22.728.859.744
Cho mượn	-	280.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh		
Dịch vụ bảo hành	-	-
Công ty cổ phần bê tông Công Thanh		
Mua bê tông	-	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Phải thu tiền hàng	62.108.228.238	44.539.297.910
Cộng nợ phải thu	62.108.228.238	44.539.297.910

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Sản phẩm xi măng: bán, gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản phẩm tắm lợp	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	40.329.560.460	27.638.072.076	4.329.696.515	-	72.297.329.051
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.329.560.460	27.638.072.076	4.329.696.515	-	72.297.329.051
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.356.651.134	(7.877.699.170)	510.514.546	-	(4.010.533.490)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(4.010.533.490)
Doanh thu hoạt động tài chính					4.753.873
Chi phí tài chính					(17.639.612.570)
Thu nhập khác					3.687.441
Chi phí khác					(32.972.200)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(21.674.676.946)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	91.920.000	-	-	91.920.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	187.991.592	14.811.986.917	304.110.060	-	15.304.088.569
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.089.330.580	22.660.677.904	4.295.344.461	-	76.045.352.945
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	533.694.200	-	898.868.138	(1.432.562.338)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.623.024.780	22.660.677.904	5.194.212.599	(1.432.562.338)	76.045.352.945
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.153.276.952	(12.938.255.623)	275.238.095	-	(6.509.740.576)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(6.509.740.576)
Doanh thu hoạt động tài chính					3.434.910
Chi phí tài chính					(20.159.954.374)
Thu nhập khác					78.967.884
Chi phí khác					(43.880.336)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(26.631.172.492)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản phẩm tầm lợi	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	-	192.145.455	-	192.145.455
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	191.517.396	14.644.514.469	297.787.766	-	15.133.819.631

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản phẩm tầm lợi	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.119.064.141	899.742.945.943	134.004.791	919.996.014.875
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				90.601.956.663
Tổng tài sản				1.010.597.971.538
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	93.789.253.719	800.424.234.738	336.060.462	894.549.548.919
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				39.388.327.489
Tổng nợ phải trả				933.937.876.408
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	24.585.796.961	887.533.685.050	260.872.550	912.380.354.561
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				91.381.476.458
Tổng tài sản				1.003.761.831.019
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	160.605.036.533	704.936.881.188	356.131.234	865.898.048.955
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				39.529.009.988
Tổng nợ phải trả				905.427.058.943

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015


Đỗ Thị Thanh Huyền
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng




Trần Quốc Khánh
 P. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

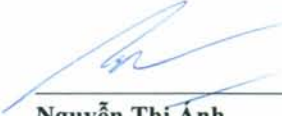
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	272,236,470,000	76,737,250,400	22,694,204,001	(161,305,433,346)	210,362,491,055
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(112,027,718,979)	(112,027,718,979)
Số dư cuối năm trước	272,236,470,000	76,737,250,400	22,694,204,001	(273,333,152,325)	98,334,772,076
Số dư đầu năm nay	272,236,470,000	76,737,250,400	22,694,204,001	(273,333,152,325)	98,334,772,076
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(21,674,676,946)	(21,674,676,946)
Số dư cuối năm nay	272,236,470,000	76,737,250,400	22,694,204,001	(295,007,829,271)	76,660,095,130

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2015



Trần Quốc Khánh
P. Tổng Giám đốc


Đỗ Thị Thanh Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Thị Anh
Kế toán trưởng